

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Áp dụng cho Nghiên cứu sinh khóa tuyển từ ngày 01/7/2015 trở về sau)

CẦN THƠ
Tháng 11/2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Khoản 2 Điều 11, Chương II của "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ban hành ngày 15 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2979/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản số 2220/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ;

Xét đề nghị của Ông Trưởng Khoa Sau đại học Trường Đại học Cần Thơ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chương trình đào tạo của 15 chuyên ngành trình độ tiến sĩ do Trường Đại học Cần Thơ đào tạo.

(Đính kèm chương trình đào tạo của 15 chuyên ngành tiến sĩ).

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ này áp dụng cho nghiên cứu sinh khóa tuyển từ ngày 01/7/2015 trở về sau.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSDH, PKHTH.



Hà Thanh Toàn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Chăn nuôi

Mã ngành: 62 62 01 05

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Chăn nuôi (Animal Science)
2	Mã ngành	62 62 01 05
3	Đơn vị quản lý (ghi Bộ môn và Khoa)	Bộ môn Chăn nuôi, Khoa Nông nghiệp & Sinh học Ứng dụng
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Chăn nuôi
4.2	Ngành gần (học bổ sung kiến thức)	Thú y
5	Mục tiêu	<p>Mục tiêu tổng quát: Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chăn nuôi nhằm đào tạo học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; có trình độ năng lực đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và phát triển kinh tế đất nước; có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học Chăn nuôi;</p> <p>Mục tiêu cụ thể: chương trình đào tạo cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học Chăn nuôi; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực chăn nuôi và các lĩnh vực có liên quan; và có tư duy mới trong tổ chức, quản lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực chuyên môn.</p>
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	
	LO.1	Hệ thống hóa các kiến thức chuyên sâu về chăn nuôi như sinh lý, công nghệ sinh học, dinh dưỡng và di truyền giống vật nuôi.
	LO.2	Cập nhật các thành tựu và các kỹ thuật tiên tiến thuộc chuyên ngành chăn nuôi và các lĩnh vực có liên quan
	LO.3	Phát triển các nguyên lý, các học thuyết mới về khoa học chăn nuôi
6.2	Kỹ năng	
	LO.4	<p>Kỹ năng cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phát hiện, phân tích và đưa ra biện pháp giải quyết một cách hiệu quả các vấn đề liên quan đến chăn nuôi và quy trình chăn nuôi. - Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác các trang trại chăn nuôi, các đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi thú y trong nước cũng như quốc tế,...
	LO.5	<p>Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp làm việc khoa học, có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, có kỹ năng tư duy trong phân tích và giải quyết các vấn

		<p>để phát sinh trong thực tiễn sản xuất chăn nuôi;</p> <p>- Có kỹ năng trong giao tiếp, trao đổi học thuật, viết các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành và thảo luận, phân tích các quan điểm về khoa học chuyên môn bằng ngoại ngữ một cách trôi chảy.</p>
6.3	Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn	Thực hiện theo Điều 22, Thông tư 05/2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghiên cứu sinh tự học để có chứng chỉ (chứng nhận) trình độ ngoại ngữ từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các chứng chỉ tương đương khác theo Phụ lục III, Thông tư 05/2012/TT- BGDĐT, phải đảm bảo 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết)
6.4	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	LO.6	<p>- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.</p> <p>- Có năng lực phát hiện, giải quyết và rút ra những quy luật trong quá trình giải quyết các vấn đề; có khả năng đề xuất cũng như đánh giá những sáng kiến có giá trị; có khả năng thích nghi và hoạt động tốt trong môi trường hội nhập quốc tế.</p>
	LO.7	- Có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển các ý tưởng mới, các quy trình mới,...

Chương trình đào tạo chi tiết

Tổng số tín chỉ: 90 TC cho người tốt nghiệp thạc sĩ; 120 TC cho người tốt nghiệp đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm

Một số hướng nghiên cứu:

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Ứng dụng công nghệ vi sinh vật trong chăn nuôi gia súc, gia cầm	PGS.TS. Lê Thị Mến	2
2	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng suất và giảm khí thải từ chăn nuôi gia súc	PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa TS. Hồ Thanh Tâm	2
3	Ứng dụng công nghệ sinh học trong cải thiện tình trạng dinh dưỡng vật nuôi	TS. Nguyễn Thị Kim Khang PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa	2
4	Ứng dụng công nghệ sinh học trong cải tiến tiềm năng di truyền nâng cao sức khỏe, năng suất và chất lượng sản phẩm vật nuôi	PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa TS. Nguyễn Thị Kim Khang	2-3
5	Phát triển hệ thống chăn nuôi gia súc độc vị theo hướng an toàn sinh học và bảo vệ môi trường	PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa, TS. Nguyễn Thị Kim Khang	2-3
6	Đánh giá và bảo tồn sự đa dạng di truyền nguồn gen động vật và thực vật (dùng làm thức ăn gia súc)	PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa, PGS.TS. Nguyễn Trọng Ngữ	2-3

102

TT	Hướng nghiên cứu , lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
7	Sự thích ứng của vật nuôi trong điều kiện biến đổi khí hậu	PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa, TS. Nguyễn Minh Thông	2-3
8	Quản lý dinh dưỡng và cải tiến năng suất vật nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa, PGS.TS. Nguyễn Nhật Xuân Dung, PGS.TS. Nguyễn Trọng Ngữ, TS. Nguyễn Thị Hồng Nhân	2-3
9	Ảnh hưởng của bổ sung thức ăn nhằm giảm khí thải nhà kính và tăng chất lượng thịt trên dê và cừu	PGS.TS. Hồ Quảng Đồ	1
10	Nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới để nâng cao năng suất của bò sữa/bò thịt	GS.TS. Nguyễn Văn Thu	1
11	Nghiên cứu các biện pháp để nâng cao chất lượng bắp và cỏ ủ chua để nuôi bò sữa/bò thịt	GS.TS. Nguyễn Văn Thu	1
12	Nghiên cứu các biện pháp nâng cao năng suất của gia súc nhai lại trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu	GS.TS. Nguyễn Văn Thu	1
13	Nghiên cứu các giải pháp để tối ưu hóa khẩu phần để nâng cao năng suất của gia cầm/vịt xiêm/thỏ	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Đông	1
14	Ứng dụng các biện pháp sinh học trong phát triển chăn nuôi gia cầm bền vững	PGS.TS. Bùi Xuân Mến, TS. Nguyễn Thị Thuý	2
15	Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và nâng cao chất lượng sản phẩm của gà bản địa	PGS.TS Nguyễn Nhật Xuân Dung	2

Đề cương nghiên cứu: Theo kế hoạch tập trung của Trường.

Phần 1. Học phần bổ sung

1.1 Có bằng đại học ngành phù hợp: Chăn nuôi.

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			I, II
2	NNN601	Phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học chăn nuôi	2	x		30			I
Phần kiến thức cơ sở									
3	NNN621	Thâm cứu sinh lý vật nuôi	2	x		30			I
4	NNN622	Thâm cứu dinh dưỡng vật nuôi	2	x		20	20		I
5	NNN602	Công nghệ gen vật nuôi	2	x		30			I
6	NN629	Thâm cứu phép thí nghiệm chăn nuôi	2	x		30			I
7	NNN603	Giống vật nuôi	2	x		30			I
8	NNN620	Tập tính vật nuôi	2		x	30			I
9	NNN609	Độc chất học và an toàn thực phẩm	2		x	30			I
10	NNN623	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi	2		x	20	20		I

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
11	NNN625	Di truyền động vật	2		x	30			I
<i>Cộng: 12 TC (Bắt buộc: 10TC; Tự chọn: 2TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
12	NNN610	Anh văn chuyên ngành chăn nuôi	2	x		30			I
13	NNN611	Thực hành quy chuẩn chăn nuôi	2	x		20	20		II
14	NNN612	Công nghệ thức ăn vật nuôi	2	x		20	20		I
15	NNN613	Quản lý trang trại chăn nuôi	2	x		30			II
16	NNN616	Công nghệ chăn nuôi heo	3		x	30	30		II
17	NNN617	Công nghệ chăn nuôi gia súc nhai lại	3		x	30	30		II
18	NNN618	Công nghệ chăn nuôi gia cầm	3		x	30	30		II
19	NNN614	Ứng dụng tin học trong chăn nuôi	2		x	30			
20	NNN626	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		x	20	20		II
21	NNN627	Quản lý chuỗi sản xuất-dịch vụ chăn nuôi	2		x	20	20		II
22	KT617	Quản trị dự án đầu tư	2		x	30			II
23	NNN631	Quản lý môi trường chăn nuôi	2		x	20	20		II
<i>Cộng: 13 TC (Bắt buộc: 8TC; Tự chọn: 5TC)</i>									
Tổng cộng			30	23	7				

1.2 Có bằng thạc sĩ ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm (15 năm) trở lên hoặc tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần: Thú y phải học bổ sung những học phần sau đây:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức cơ sở									
1	NNN602	Công nghệ gen vật nuôi	2	x		30			I, II
<i>Cộng: 2TC (Bắt buộc: 2 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
2	NNN613	Quản lý trang trại chăn nuôi	2	x		30			I, II
3	NNN610	Anh văn chuyên ngành chăn nuôi	2		x	30			I, II
4	NNN612	Công nghệ thức ăn vật nuôi	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 4TC (Bắt buộc: 2 TC; Tự chọn: 2 TC)</i>									
Tổng cộng			6	4	2				

Phần 2. Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và bài tiểu luận tổng quan

2.1 Các học phần trình độ tiến sĩ

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết TT ngoài trường	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
1	NN937	Những tiến bộ khoa học mới về sinh lý sản xuất động vật	2	x		30				I,II
2	NN938	Những tiến bộ khoa học mới về dinh dưỡng vật nuôi	2	x		30				I,II
3	NN919	Những tiến bộ khoa học	2		x	30				I,II

		mới về chăn nuôi heo							
4	NN920	Những tiến bộ khoa học mới về chăn nuôi gia cầm	2		x	30			I,II
5	NN921	Những tiến bộ mới về chăn nuôi gia súc nhai lại	2		x	30			I,II
6	NN939	Bảo tồn và phát triển nguồn gen động vật quý hiếm	2		x	30			I,II
7	NN940	Phương pháp viết báo cáo khoa học và luận án	2		x	30			I,II
8	NN941	Công nghệ di truyền giống động vật	2		x	30			I,II
		TỔNG CỘNG	12	4	8				

2.2 Các chuyên đề tiến sĩ (6 TC)

- Số chuyên đề: 2
- Tổng số tín chỉ 2 chuyên đề: 6 TC

- Thời gian thực hiện:
 - + Chuyên đề 1: Năm thứ 1
 - + Chuyên đề 2: Năm thứ 2

2.3. Bài tiểu luận tổng quan (3 TC)

- Thời gian thực hiện: Năm thứ 2

Phần 3: Nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, ngoại ngữ, thực hiện nhiệm vụ NCS và hoàn thành luận án tiến sĩ (69 TC- theo khung định mức đính kèm)

1. Nghiên cứu khoa học: Năm thứ 3 hoặc 4
2. Luận án tiến sĩ: Năm thứ 3 hoặc 4

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



Hà Thanh Toàn

**HĐKH-ĐT
CHỦ TỊCH**

(Handwritten signature)

Lê Việt Dũng

Cần Thơ, ngày 12 tháng 11 năm 2015
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỞNG KHOA NN-SHƯD**

(Handwritten signature)

Lê Văn Hòa

Khung định mức thực hiện Phần 3

TT	Nội dung	Định mức (TC)	Số lượng	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng TC	Ghi chú
1	Bài báo Khoa học (ít nhất 2 bài): (danh mục Trường qui định cho NCS)	4	2	8		8	
	Trong nước	4					
	Quốc tế có impact factor (IF) (khuyến khích)	5					
	Kỷ yếu quốc tế có phản biện, có ISSN, tiếng nước ngoài chưa có IF	4					
2	Báo cáo hội nghị khoa học (trong nước hay/và quốc tế)	2-5	1-3		5	5	Tự chọn theo mục 2
2.1	Trong nước (tiếng Việt)						
	Oral	3					
	Poster	2					
2.2	Quốc tế (tiếng nước ngoài) (Khuyến khích)						
	Oral	4					
	Poster	3					
3	Seminar	0,25 - 2	7	5		5	
3.1	Thuyết trình seminar	1	2				
3.2	Tham dự báo cáo chuyên đề, seminar	0,25	4				
3.3	<i>Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước bảo vệ cơ sở</i>	2	1				
4	Tham gia giảng dạy/hướng dẫn thực tập/luận văn ĐH và CH	1-2	4-7		7	7	Tự chọn theo mục 4
4.1	Luận văn đại học	2	1-3				
4.2	Dạy, hướng dẫn thực tập	30 tiết/01 tuần thực tập ngoài trường = 01 TC	1-5				
5	Ngoại ngữ B2	1	8	8		8	
6	Luận án	1	36	36		36	
6.1	Hoạt động nghiên cứu	26	1	26			
6.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho NHD và Bộ môn theo tiến độ qui định; Hoàn chỉnh luận án			10			
	TỔNG CỘNG			57	12	69	